

**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**



**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
Thông tin về doanh nghiệp	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (Mẫu số B 01 – DN/HN)	8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Mẫu số B 02 – DN/HN)	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (Mẫu số B 03 – DN/HN)	12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (Mẫu số B 09 – DN/HN)	13

# TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

## THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận  
Đăng ký Doanh nghiệp** Số 0100106440

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được thay đổi năm lần. Lần thay đổi gần nhất vào ngày 31/05/2016.

*Tại ngày ký báo cáo tài chính hợp nhất này:*

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Vũ Tiến Giao	Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 25/12/2015)
	Ông Đậu Trí Dũng	Phó Chủ tịch	(bổ nhiệm ngày 25/12/2015) và (miễn nhiệm ngày 01/12/2016)
	Ông Ưng Tiến Đỗ	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 19/12/2015)
	Ông Phan Thanh Hải	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28/04/2016)
	Ông Hoàng Quốc Quân	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28/04/2016)
	Bà Lê Thị Hải Châu	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 28/04/2016)
Ông Đinh Quốc Sỹ	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 28/04/2016)	
<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Lê Thanh Huyền	Trưởng Ban kiểm soát	
	Bà Trần Thị Kim Hoa	Thành viên Ban kiểm soát	
	Ông Nguyễn Trường Sa	Thành viên Ban kiểm soát	
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Hoàng Quốc Quân	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 01/06/2016)
	Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 19/01/2016)
	Ông Vũ Duy Quang	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 19/01/2016)
	Ông Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 19/01/2016)
	Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 14/04/2016)
	Ông Nguyễn Khắc Minh	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 31/05/2016)
Ông Vũ Tuấn Dương	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 10/06/2016)	
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Hoàng Quốc Quân	Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 01/06/2016)
	Ông Vũ Tiến Giao	Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 31/05/2016)
<b>Trụ sở chính</b>	Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam Quận Thanh Xuân, Hà Nội		
<b>Kiểm toán viên</b>	Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam		

## TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI – CTCP (“Tổng Công ty- Công ty mẹ”) chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty - Công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của các báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 8 đến trang 54. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Quốc Quân  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, nước CHXHCN Việt Nam  
Ngày 27 tháng 4 năm 2017



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **KÍNH GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty LICOGI – CTCP (“Tổng Công ty - Công ty mẹ”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) được lập ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016 và được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt ngày 27 tháng 4 năm 2017. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 8 đến trang 54.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

## **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

### **Số dư đầu kỳ**

1. Như trình bày tại Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty – Công ty mẹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 tới ngày 31 tháng 12 năm 2015 (là ngày Tổng Công ty - Công ty mẹ, chính thức được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI – CTCP). Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn nói trên, Ban Tổng Giám đốc áp dụng các hướng dẫn xử lý tài chính tại các Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011, Nghị định 116/2015 NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty - Công ty mẹ chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về các phương án xử lý tài chính được áp dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 tới ngày 31 tháng 12 năm 2015. Vì vậy, các số dư đầu kỳ tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 của báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền. Do đó, chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của các số dư đầu kỳ tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 tới báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **Dự án Khu Đô thị Nam Ga Hạ Long và Dự án Bất động sản Khu dân cư Licogi 17**

2. Như trình bày tại Thuyết minh số 10, tính đến ngày 01 tháng 01 năm 2016, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của Dự án KĐT Nam Ga Hạ Long tổng doanh thu lũy kế là 88,4 tỷ đồng trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và thu nhập khác (CMKTVN số 14) và Thông tư 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo CMKTVN số 14 và Thông tư 200/2014/TT-BTC thì tại ngày 01 tháng 01 năm 2016, số dư “Người mua trả tiền trước ngắn hạn” sẽ tăng lên 88,4 tỷ đồng, “Hàng tồn kho - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” của Dự án KĐT Nam Ga Hạ Long sẽ tăng lên 67,9 tỷ đồng, và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” đầu kỳ tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 sẽ giảm 20,5 tỷ đồng. Ngoài ra, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã ghi giảm doanh thu và giá vốn hàng bán với giá trị lần lượt là 17,8 tỷ đồng và 14,5 tỷ đồng liên quan tới các lô đất của dự án này do khách hàng không tiếp tục thực hiện hợp đồng. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo CMKTVN số 14 và Thông tư 200/2014/TT-BTC thì “Doanh thu” và “Giá vốn hàng bán” trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ phải tăng lên lần lượt là 17,8 tỷ đồng và 14,5 tỷ đồng, “Lỗi kế toán trước thuế” trong năm sẽ giảm 3,3 tỷ đồng.
3. Như trình bày tại Thuyết minh số 10, trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu của Dự án BĐS Khu dân cư Licogi 17 với tổng doanh thu lũy kế là 21,1 tỷ đồng trên cơ sở nhận tiền trả trước của khách hàng. Cơ sở ghi nhận doanh thu này chưa tuân thủ theo CMKTVN số 14 và Thông tư 200/2014/TT-BTC. Nếu Tổng Công ty hạch toán theo CMKTVN số 14 và Thông tư 200/2014/TT-BTC thì tại ngày 01 tháng 01 năm 2016, số dư “Người mua trả tiền trước ngắn hạn” sẽ tăng 21,1 tỷ đồng, “Hàng tồn kho - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” của Dự án BĐS Khu dân cư Licogi 17 sẽ tăng 14,2 tỷ đồng, và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” đầu kỳ tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 sẽ giảm 6,9 tỷ đồng.

## Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

### Dự án Khu đô thị mới C5-C8 và C8 Mở rộng

- Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Tổng Công ty đã hạch toán vào chi phí phải trả số tiền là 4,2 tỷ đồng cho hạng mục xây dựng bãi tắm của Dự án C8 Mở rộng dựa trên dự toán kinh phí được phê duyệt từ năm 2004. Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán để xác định tính đầy đủ và chính xác của chi phí phải trả này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của khoản mục này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 hay không.
- Ngoài ra trong năm 2016, Tổng Công ty đã ghi nhận thêm vào “Giá vốn hàng bán” số tiền 8,1 tỷ đồng cho các chi phí liên quan tới Dự án KĐT C5-C8 và Dự án C8 Mở rộng. Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo nguyên tắc phù hợp doanh thu và chi phí tại CMKTVN số 14. Nếu các chi phí này được ghi nhận đúng theo CMKTVN số 14 thì “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” đầu kỳ tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 sẽ giảm 8,1 tỷ đồng và “Lỗ kế toán trước thuế” trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ giảm tương ứng 8,1 tỷ đồng.

### Dự án Khu Đô thị mới Thịnh Liệt

- Như trình bày tại Thuyết minh số 13(a), tính đến ngày 01 tháng 01 năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” của Dự án Khu Đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế 191 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định giá trị chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào Dự án này theo *Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay* (CMKTVN số 16). Do vậy, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 liên quan tới khoản lãi vay được vốn hóa này của Dự án Khu Đô thị mới Thịnh Liệt hay không. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay của Dự án này vào khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” với giá trị 90,6 tỷ đồng và ghi nhận vào tài khoản đối ứng “Phải trả ngắn hạn khác” một khoản là 87,5 tỷ. Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo CMKTVN số 16. Nếu Tổng Công ty ghi nhận theo CMKTVN số 16, thì khoản mục “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn” sẽ giảm 90,6 tỷ đồng, khoản mục “Phải trả ngắn hạn khác” giảm 87,5 tỷ đồng, “Chi phí tài chính” và “Lỗ kế toán trước thuế” trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 cùng tăng 3,1 tỷ đồng.

### Các khoản phải trả

- Như trình bày tại Thuyết minh số 5, theo Quyết định số 41/QĐ/TCT-HĐTV ngày 26/01/2011, Công ty Xây dựng Cấp thoát nước và Hạ tầng kỹ thuật (“Cometco”), đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty – Công ty mẹ, được sáp nhập vào Chi nhánh Licogi 2. Theo Quyết định này, Chi nhánh Licogi 2 kế thừa toàn bộ tài sản, công nợ được bàn giao từ Cometco. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng giá trị các khoản nợ phải trả được bàn giao từ Cometco là 27,27 tỷ đồng trong đó bao gồm 13,43 tỷ đồng phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14); 13,57 tỷ đồng phải trả thuế và các khoản phải nộp nhà nước (Thuyết minh số 16) và 0,28 tỷ đồng người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15). Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán để xác định được tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả được bàn giao từ Cometco này. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản nợ phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 hay không.

## **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)**

### **Các khoản phải trả (tiếp theo)**

8. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty TNHH Xây dựng Lũng Lô (“Công ty Lũng Lô”) là 53,53 tỷ đồng, trong đó ở khoản mục “Phải trả người bán” là 22,82 tỷ đồng (Thuyết minh số 14) và ở khoản mục “Người mua trả tiền trước ngắn hạn” là 30,71 tỷ đồng (Thuyết minh số 15). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty cũng đang ghi nhận các khoản phải trả cho Thầu phụ của Ban điều hành Dung Quất là 12,38 tỷ đồng; Xí nghiệp khai thác và chế biến đá XK An Giang số tiền là 3,24 tỷ đồng; Đội xử lý nền móng (Ô.Yên) số tiền là 1,53 tỷ đồng (Thuyết minh số 14); và khoản phải trả nội bộ cho chi phí dự án với số tiền là 4,54 tỷ đồng (Thuyết minh số 18) và các khoản công nợ phải trả khác với số tiền là 9,29 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được bằng chứng kiểm toán để xác định được tính hiện hữu, chính xác và đầy đủ của các khoản nợ phải trả này với tổng số tiền là 84,77 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các khoản nợ phải trả này tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 hay không.

### **Dự phòng phải thu khó đòi**

9. Như trình bày tại Thuyết minh số 8, trong mục “Các khoản phải thu ngắn hạn khác” có khoản phải thu từ Công ty CP Đầu tư – Xây dựng Licogi 9.1 liên quan tới việc chuyển nhượng dự án đầu tư cho công ty này với giá trị là 19,76 tỷ đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty chưa thực hiện việc đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu này theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp (Thông tư 228/TT-BTC). Nếu Tổng Công ty thực hiện đánh giá và lập dự phòng cho các khoản phải thu khác này theo Thông tư 228/TT-BTC thì khoản mục “Dự phòng nợ phải thu khó đòi” và “Lỗi kế toán trước thuế” trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 sẽ tăng lên 19,76 tỷ đồng.

### **Hàng tồn kho**

10. Chúng tôi không thể chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 của một số đơn vị trong Tổng Công ty (bao gồm: Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9, Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10, Công ty CP Licogi 15; Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20; và Công ty CP Lắp máy Điện nước) với giá trị hàng tồn kho khoảng 280 tỷ đồng. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế khác để thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về tính hiện hữu của hàng tồn kho tại ngày 01 tháng 01 năm 2016. Do số dư hàng tồn kho đầu kỳ có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết liên quan đến khoản lãi/(lỗ) trong năm 2016 được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty đã phát sinh khoản lỗ hợp nhất sau thuế là 437 tỷ đồng, lưu chuyển tiền thuần hợp nhất trong năm của Tổng Công ty âm 126 tỷ đồng và tại ngày này, tổng nợ ngắn hạn hợp nhất của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn hợp nhất là 1.050 tỷ đồng. Các vấn đề này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2.24 của báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty chưa ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc cho người lao động do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24/10/2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

## Các vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 không được kiểm toán riêng bởi một đơn vị kiểm toán độc lập. Do đó, số liệu so sánh trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 là số liệu chưa được kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán độc lập khác và đơn vị kiểm toán này đã phát hành ý kiến kiểm toán ngoại trừ vào ngày 30 tháng 5 năm 2016.

## Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Nguyễn Phi Lan  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0573-2013-006-1  
Chữ ký được ủy quyền



Trần Khắc Thế  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 2043-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HAN 1768  
Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2017

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính hợp nhất, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>2.191.260.123.704</b>	<b>2.660.574.361.722</b>
<b>110</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>202.516.339.998</b>	<b>328.334.655.535</b>
111	Tiền		202.516.339.998	318.334.655.535
112	Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
<b>130</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.119.327.607.247</b>	<b>1.190.749.653.892</b>
131	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5(a)	1.011.112.188.092	711.342.366.802
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	52.450.379.321	123.991.910.517
135	Phải thu cho vay ngắn hạn	7	24.663.740.010	28.522.727.010
136	Phải thu ngắn hạn khác	8	379.389.163.631	339.952.847.847
137	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	9	(348.364.415.820)	(13.357.720.208)
139	Tài sản thiếu chờ xử lý		76.552.013	297.521.924
<b>140</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>837.919.793.042</b>	<b>1.088.858.363.533</b>
141	Hàng tồn kho		841.380.109.253	1.089.886.533.489
149	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.460.316.211)	(1.028.169.956)
<b>150</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>31.496.383.417</b>	<b>52.631.688.762</b>
151	Chi phí trả trước ngắn hạn	11(a)	2.913.996.648	32.940.178.035
152	Thuế GTGT được khấu trừ		27.999.352.584	14.616.529.326
153	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		583.034.185	5.074.981.401

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 54 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN (Tiếp theo)	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.924.166.946.775</b>	<b>2.026.196.657.244</b>
<b>210</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>1.131.037.386</b>	<b>277.675.932.702</b>
211	Phải thu dài hạn của khách hàng	5(b)	-	291.956.254.067
216	Phải thu dài hạn khác		1.131.037.386	124.306.500
219	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	(14.404.627.865)
<b>220</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>485.210.289.413</b>	<b>506.391.769.562</b>
221	Tài sản cố định hữu hình	12(a)	454.483.630.544	481.694.442.913
222	Nguyên giá		1.438.997.795.139	1.472.579.545.065
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(984.514.164.595)	(990.885.102.152)
224	Tài sản cố định thuê tài chính	12(b)	1.985.181.677	2.316.045.293
225	Nguyên giá		2.646.908.909	5.870.239.751
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(661.727.232)	(3.554.194.458)
227	Tài sản cố định vô hình	12(c)	28.741.477.192	22.381.281.356
228	Nguyên giá		32.012.730.641	25.851.209.261
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.271.253.449)	(3.469.927.905)
<b>230</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		<b>2.663.302.754</b>	<b>1.822.484.266</b>
231	Nguyên giá		2.745.140.454	2.745.140.454
232	Giá trị hao mòn lũy kế		(81.837.700)	(922.656.188)
<b>240</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>769.533.924.961</b>	<b>616.614.872.958</b>
241	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	13(a)	711.166.856.701	556.488.165.054
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13(b)	58.367.068.260	60.126.707.904
<b>250</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>619.470.548.869</b>	<b>584.105.819.986</b>
252	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4(a)	566.451.643.067	526.773.342.778
253	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4(b)	57.332.477.208	57.332.477.208
254	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	4(b)	(4.313.571.406)	-
<b>260</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>46.157.843.392</b>	<b>39.585.777.770</b>
261	Chi phí trả trước dài hạn	11(b)	46.157.843.392	37.593.244.042
262	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	1.992.533.728
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>4.115.427.070.479</b>	<b>4.686.771.018.966</b>

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày	
			31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>3.568.998.395.365</b>	<b>3.632.511.653.310</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>3.241.564.276.086</b>	<b>2.975.184.156.459</b>
311	Phải trả người bán ngắn hạn	14(a)	850.954.818.174	693.353.203.122
312	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	300.481.961.361	266.865.353.709
313	Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước	16	189.913.459.455	186.114.813.138
314	Phải trả người lao động		76.144.948.474	84.637.384.935
315	Chi phí phải trả ngắn hạn	17	132.311.370.835	176.062.379.707
318	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		50.822.923	65.697.919
319	Phải trả ngắn hạn khác	18	306.692.957.647	223.932.399.593
320	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19(a)	1.365.303.307.642	1.314.207.719.855
321	Dự phòng phải trả ngắn hạn		997.937.808	3.322.506.493
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		18.712.691.767	26.622.697.988
<b>330</b>	<b>Nợ dài hạn</b>		<b>327.434.119.279</b>	<b>657.327.496.851</b>
331	Phải trả người bán dài hạn	14(b)	-	209.231.280.491
336	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		1.664.718.750	14.711.202.286
337	Phải trả dài hạn khác		6.423.283.702	7.777.046.075
338	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19(b)	317.250.241.279	424.740.066.594
341	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.095.875.548	867.901.405
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>546.428.675.114</b>	<b>1.054.259.365.656</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>		<b>546.428.675.114</b>	<b>1.054.259.365.656</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu	20,21	900.000.000.000	900.000.000.000
414	Vốn khác của chủ sở hữu	21	10.121.718.651	10.121.718.651
416	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	21	(79.274.695.809)	(79.274.695.809)
418	Quỹ đầu tư phát triển	21	58.975.299.808	44.662.141.792
420	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21	2.074.997.571	2.396.201.946
421	(Lỗ sau thuế lũy kế)/LNST chưa phân phối	21	(458.783.469.861)	29.713.148.712
421a	- Lỗ sau thuế lũy kế		(44.300.671.762)	(20.817.971.361)
421b	- (Lỗ sau thuế)/LNST chưa phân phối của năm nay		(414.482.798.099)	50.531.120.073
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	22	113.314.824.754	146.640.850.364
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>4.115.427.070.479</b>	<b>4.686.771.018.966</b>



Lê Thị Thanh Nội  
Người lập



Phan Lan Anh  
Kế toán trưởng



Hoàng Quốc Quân  
Tổng Giám đốc  
Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2016 VNĐ	31/12/2015 VNĐ (Không kiểm toán riêng)
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.918.567.523.268	3.111.108.444.319
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	(18.896.061.746)	(1.286.424.872)
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.899.671.461.522	3.109.822.019.447
11	Giá vốn hàng bán	(2.678.609.908.328)	(2.833.405.267.086)
20	Lợi nhuận gộp	221.061.553.194	276.416.752.361
21	Doanh thu hoạt động tài chính	8.081.911.162	169.248.721.505
22	Chi phí tài chính	(154.385.318.941)	(85.463.206.666)
23	- Trong đó: chi phí lãi vay	(147.600.802.431)	(53.424.906.830)
24	Phân lãi trong công ty liên doanh, liên kết	95.636.925.372	9.157.010.894
25	Chi phí bán hàng	(50.567.843.595)	(43.831.165.202)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(525.084.044.709)	(208.905.363.614)
30	(Lỗ)/lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(405.256.817.517)	116.622.749.278
31	Thu nhập khác	22.590.823.141	17.863.845.892
32	Chi phí khác	(44.857.307.546)	(47.532.734.435)
40	Chi phí khác - số thuần	(22.266.484.405)	(29.668.888.543)
50	(Lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	(427.523.301.922)	86.953.860.735
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(9.634.213.732)	(18.090.563.650)
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	523.140.284	(738.736.654)
60	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN	(436.634.375.370)	68.124.560.431
Phân bổ cho			
61	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	(414.482.798.099)	50.531.120.073
62	(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	(22.151.577.271)	17.593.440.358
70	(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	23 (4.605)	561



Lê Thị Thanh Nội  
Người lập



Phan Lan Anh  
Kế toán trưởng



Hoàng Quốc Quân  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này

**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

Mẫu số B 03 – DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31/12/2016 VNĐ	31/12/2015 VNĐ (Không kiểm toán riêng)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế Điều chỉnh cho các khoản:	(427.523.301.922)	86.953.860.735
02	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	81.740.757.264	32.295.947.698
03	Các khoản dự phòng (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	325.023.216.723	2.506.082.601
04	Lãi từ hoạt động đầu tư	(158.090.833)	161.916.388
05	Chi phí lãi vay	(7.753.827.067)	(82.069.147.026)
06	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	147.600.802.431	57.694.587.843
07	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	118.929.556.596	97.543.248.239
08	Giảm hàng tồn kho	(149.087.693.961)	175.853.642.928
09	Giảm/(tăng) các khoản phải trả	92.986.914.101	419.130.935.850
10	Giảm/(tăng) chi phí trả trước	36.559.675.797	(57.436.392.648)
11	Tiền lãi vay đã trả	21.461.582.037	(17.132.453.621)
12	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(144.554.520.617)	(113.337.386.940)
13	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(19.972.125.190)	(11.445.322.317)
14	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(43.676.611.237)	493.176.271.491
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
15	Chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	(45.909.842.440)	(80.827.342.974)
16	Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	2.011.120.000	9.315.679.546
17	Chi cho vay	(1.020.000.000)	-
18	Thu hồi cho vay	3.845.751.000	-
19	Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(248.500.000)	(7.189.350.000)
20	Thu lãi tiền gửi và cổ tức được chia	63.856.186.467	78.184.907.135
21	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	22.534.715.027	(516.106.293)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
22	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp từ chủ sở hữu	-	664.317.100
23	Thu từ vay ngắn hạn, dài hạn	2.030.543.277.815	1.549.907.715.840
24	Chi trả nợ gốc vay	(2.126.055.525.245)	(1.884.124.995.212)
25	Chi trả nợ gốc thuế tài chính	(1.551.828.000)	(959.656.000)
26	Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu	(7.770.434.730)	(1.136.254.400)
27	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(104.834.510.160)	(335.648.872.672)
28	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(125.976.406.370)	157.011.292.526
29	Tiền và tương đương tiền đầu năm	328.334.655.535	171.485.279.397
30	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	158.090.833	(161.916.388)
31	Tiền và tương đương tiền cuối năm	202.516.339.998	328.334.655.535



Lê Thị Thanh Nội  
Người lập



Phan Lan Anh  
Kế toán trưởng



Hoàng Quốc Quân  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 4 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 13 đến trang 54 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY**

Tổng Công ty LICOGI – CTCP ("Tổng Công ty – Công ty mẹ") tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD - TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty – Công ty mẹ chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty – Công ty mẹ chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng.

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010. Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được thay đổi 5 lần. Lần thay đổi thứ 5 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/05/2016.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty – Công ty mẹ và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") bao gồm:

- Thi công xây lắp các công trình ngầm, các công trình thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện, bưu điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình;
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nấu và tôi luyện thép các sản phẩm đúc; Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhôm hợp kim định hình; Thiết kế, chế tạo, lắp ráp giàn khung không gian; Kinh doanh, đại lý xăng, dầu mỡ các loại; Sản xuất gia công, lắp đặt các thiết bị và kết cấu kim loại;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng (tấm lợp amiăng, tấm lợp kim loại màu và các sản phẩm tấm lợp khác,...); Thiết kế, chế tạo kinh doanh cần trục, cổng trục và kết cấu thép; Sản xuất cửa nhựa, cửa kim loại, cửa sổ, vách ngăn văn phòng,...
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;
- Tư vấn đầu tư xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016, Tổng Công ty – Công ty mẹ có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Đơn vị	Địa điểm	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
<b>Công ty con cấp 1</b>				
• Công ty CP Đầu tư xây lắp và vật liệu xây dựng Đông Anh	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng	51,85%	51,85%
• Công ty CP Cơ khí Đông Anh LICOGI	Hà Nội	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí	89,06%	89,06%
• Công ty CP Tư vấn LICOGI	Hà Nội	Tư vấn đầu tư xây dựng	60,00%	60,00%
• Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Đông Nai	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	51,00%	51,00%
• Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	64,77%	64,77%
• Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	Đà Nẵng	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	57,71%	57,71%
• Công ty CP LICOGI 15	Thanh Hóa	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	64,65%	64,65%
• Công ty CP LICOGI 17	Hải Dương	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	56,33%	56,33%
• Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	92,58%	92,58%
• Công ty CP Lắp máy Điện nước	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	89,92%	89,92%
• Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị LICOGI	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	100%	100%
<b>Công ty con cấp 2</b>				
• Công ty CP Đầu tư và vật liệu xây dựng Đông Anh 6 (công ty con của Công ty CP Đầu tư xây lắp và vật liệu xây dựng Đông Anh)	Hòa Bình	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng	28,22%	54,42%
• Công ty CP Đầu tư phát triển và vật liệu xây dựng Đông Anh 9 (công ty con của Công ty CP Đầu tư xây lắp và vật liệu xây dựng Đông Anh)	Phú Thọ	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng	26,44%	51,00%
• Công ty CP LICOGI 9.2 (công ty con của Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9)	Đông Nai	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	40,45%	79,31%
<b>Công ty liên kết</b>				
• Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Lào Cai	Sản xuất và kinh doanh điện	45,75%	45,75%
• Công ty CP Licogi 14	Phú Thọ	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	26,42%	26,42%
• Công ty CP Licogi 19	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	22,62%	22,62%
• Công ty CP Đầu tư xây dựng Bình Long (công ty liên kết của Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9)	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	20,40%	40,00%
• Công ty CP Đầu tư và vật liệu xây dựng Đông Anh 8 (công ty liên kết của Công ty CP Đầu tư xây lắp và vật liệu xây dựng Đông Anh)	Hưng Yên	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng	23,63%	45,58%
<b>Công ty liên doanh</b>				
• Công ty TNHH Khu Công Nghiệp Thăng Long	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	37,41%	42,00%
• Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam	Hà Nam	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng	48,48%	75,00%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU****2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty LICOGI – CTCP đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Ban Tổng Giám đốc đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty – Công ty mẹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 tới ngày 31 tháng 12 năm 2015 (là ngày Tổng Công ty - Công ty mẹ, chính thức được cổ phần hóa từ Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI – CTCP). Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn nói trên, Ban Tổng Giám đốc áp dụng các hướng dẫn xử lý tài chính tại các Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011, Nghị định 116/2015 NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ và Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty - Công ty mẹ chưa nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền về các phương án xử lý tài chính được áp dụng trong báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 tới ngày 31 tháng 12 năm 2015. Vì vậy, các số dư đầu kỳ tại ngày 01 tháng 01 năm 2016 của báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi tùy thuộc vào kết quả phê duyệt của các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, Tổng Công ty phát sinh khoản lỗ hợp nhất sau thuế là 437 tỷ đồng. Lưu chuyển tiền thuần hợp nhất trong năm của Tổng Công ty âm 126 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2016, tổng nợ ngắn hạn hợp nhất của Tổng Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn hợp nhất là 1.050 tỷ đồng. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng tiếp tục hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty – Công ty mẹ tin tưởng rằng Tổng Công ty – Công ty mẹ có thể đàm phán với các bên để gia hạn thời gian trả nợ, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được soạn lập trên cơ sở hoạt động liên tục.

**2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VNĐ”).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Tổng Công ty soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất theo Thông tư 202/2014/TT-BTC – Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty con**

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty mẹ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty mẹ có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Công ty mẹ. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Công ty mẹ sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại trừ khi hợp nhất. Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Công ty mẹ áp dụng.

**Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Tổng Công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng Công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)****Công ty liên kết và công ty liên doanh**

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Lợi nhuận của Công ty mẹ được chia sau khi đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi phần lỗ trong liên doanh liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Công ty mẹ trong liên doanh và các công ty liên kết, Công ty mẹ sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho liên doanh và các công ty liên kết.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty mẹ trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Công ty mẹ áp dụng.

**2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**2.6 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc đánh giá của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ.

Tổng Công ty thực hiện việc trích lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 về Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

**2.7 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở thực tế đích danh và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí nhân công, chi phí nguyên vật liệu và các chi phí khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm/công trình và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán hàng. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.7 Hàng tồn kho (tiếp theo)**

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của các công trình xây lắp, xây dựng do Tổng Công ty thực hiện cho chủ đầu tư và các dự án kinh doanh BĐS do Tổng Công ty là chủ đầu tư bao gồm các chi phí nguyên nhiên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí sản xuất chung được tập hợp và phân bổ cho các công trình xây lắp, xây dựng đã thực hiện nhưng chưa được khách hàng nghiệm thu giá trị khối lượng hoàn thành, và các dự án kinh doanh BĐS của Tổng Công ty chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang có thời gian thực hiện và luân chuyển vượt quá 12 tháng thì được trình bày là tài sản dở dang dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

**2.8 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ theo kế hoạch.

**2.9 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao và hao mòn*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 năm – 25 năm
Máy móc thiết bị	3 năm – 15 năm
Phương tiện vận tải	2 năm – 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm – 10 năm
Tài sản cố định khác	3 năm – 10 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc theo thời hạn của Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp, nếu thời hạn này ngắn hơn. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không tính khấu hao.

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.9 Tài sản cố định (tiếp theo)**

*Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với tài sản đủ điều kiện, chi phí vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty mẹ. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

**2.10 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**2.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**2.12 Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

**2.13 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa và tính vào giá trị của tài sản đó trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**2.14 Chi phí phải trả**

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.15 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.16 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản: phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản hiện có. Tổng Công ty – Công ty mẹ tiến hành đánh giá lại tài sản khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước (Thuyết minh số 2.1).

Vốn khác của chủ sở hữu: phản ánh giá trị các khoản vốn khác của chủ sở hữu tại thời điểm báo cáo. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập của Tổng Công ty tại thời điểm báo cáo.

**2.17 Ghi nhận doanh thu**

**(a) Doanh thu hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là hợp đồng bằng văn bản về việc xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc các mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.

**(b) Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản (BĐS) được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thỏa mãn đồng thời 5 điều kiện sau:

- BĐS đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua. Tổng Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu BĐS cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý BĐS như người sở hữu BĐS hoặc quyền kiểm soát BĐS;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán BĐS;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán BĐS.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

**(c) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

**(d) Doanh thu dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp.

**(e) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

**(f) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi Tổng Công ty xác lập quyền nhận cổ tức từ các đơn vị đầu tư.

**2.18 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

**2.19 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái.

**2.20 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****2.21 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong kỳ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

**2.22 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Tổng Giám đốc, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.23 Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng Công ty một cách toàn diện.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**2.24 Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Tổng Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Tổng Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tổng Công ty chi trả trợ cấp thôi việc. Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này. Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Tuy nhiên, tại ngày 31/12/2016, Tổng Công ty không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - *Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng*.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tiền mặt	15.106.020.267	21.681.427.257
Tiền gửi ngân hàng	187.410.319.731	296.653.228.278
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>202.516.339.998</b>	<b>328.334.655.535</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại trong nước và có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**(a) Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VNĐ	Giá trị số sách VNĐ	Giá gốc VNĐ	Giá trị số sách VNĐ
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>349.219.490.000</b>	<b>321.860.017.546</b>	<b>348.970.990.000</b>	<b>308.764.733.403</b>
- Công ty CP Licogi 14 ("Licogi 14")	28.599.120.000	42.694.790.074	28.599.120.000	38.616.119.678
- Công ty CP Licogi 19 ("Licogi 19")	1.900.000.000	2.007.395.009	1.900.000.000	1.999.068.969
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Bình Long ("Bình Long")	17.040.000.000	17.417.635.690	17.040.000.000	15.359.334.369
- Công ty CP Thủy điện Bắc Hà ("Bắc Hà")	295.936.870.000	255.958.264.345	295.688.370.000	250.009.349.711
- Công ty CP Đầu tư và Vật liệu xây dựng Đông Anh 8 ("Đông Anh 8")	5.743.500.000	3.781.932.428	5.743.500.000	2.780.860.676
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>	<b>159.842.351.743</b>	<b>244.591.625.521</b>	<b>159.842.351.743</b>	<b>218.008.609.375</b>
- Công ty TNHH Khu công nghiệp Thăng Long ("KCN Thăng Long")	159.253.337.143	244.591.625.521	159.253.337.143	218.008.609.375
- Công ty Liên doanh Sản xuất vật liệu xây dựng Hà Nam ("VLXD Hà Nam")	589.014.600	-	589.014.600	-
	<u>509.061.841.743</u>	<u>566.451.643.067</u>	<u>508.813.341.743</u>	<u>526.773.342.778</u>

Biến động trong năm của số dư đầu tư vào công ty liên kết và liên doanh được trình bày theo giá trị số sách như sau:

	Công ty liên kết					Công ty liên doanh		
	Licogi 14 VNĐ	Licogi 19 VNĐ	Đông Anh 8 VNĐ	Bình Long VNĐ	Bắc Hà VNĐ	KCN Thăng Long VNĐ	VLXD Hà Nam VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 01/01/2016	38.616.119.678	1.999.068.969	2.780.860.676	15.359.334.369	250.009.349.711	308.764.733.403	-	218.008.609.375
Lợi nhuận	4.078.670.396	8.326.040	1.001.071.752	3.745.251.865	5.700.414.634	14.533.734.687	-	81.103.190.685
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(54.520.174.539)
Biến động khác	-	-	-	(1.686.950.544)	248.500.000	(1.438.450.544)	-	-
Tại ngày 31/12/2016	<u>42.694.790.074</u>	<u>2.007.395.009</u>	<u>3.781.932.428</u>	<u>17.417.635.690</u>	<u>255.958.264.345</u>	<u>321.860.017.546</u>	<u>-</u>	<u>244.591.625.521</u>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016****4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)****(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty – Công ty mẹ vào các đơn vị khác không phải là các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VNĐ	Giá trị hợp lý (*) VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ
• Công ty CP Licogi 12	5.967.000.000	5.967.000.000	-	5.967.000.000
• Công ty CP Licogi 13	25.001.671.600	21.146.686.559	3.854.985.041	25.001.671.600
• Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	10.530.000.000	10.530.000.000	-	10.530.000.000
• Công ty CP Thủy điện ĐắkĐrinh	13.753.805.608	13.445.689.111	308.116.497	13.753.805.608
• Công ty CP Đầu tư Xây dựng TM Dầu khí IDICO	780.000.000	780.000.000	-	780.000.000
• Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin – Licogi	1.000.000.000	914.201.338	85.798.662	1.000.000.000
• Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	300.000.000	235.328.794	64.671.206	300.000.000
	<u>57.332.477.208</u>	<u>53.018.905.802</u>	<u>4.313.571.406</u>	<u>57.332.477.208</u>
				<u>57.332.477.208</u>

(\*) Tổng Công ty đang trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bằng với giá gốc vì hiện tại chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể về phương pháp xác định giá trị hợp lý.

(\*\*) Trong giai đoạn cổ phần hóa của Tổng Công ty – Công ty mẹ từ ngày 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015 (Thuyết minh số 2.1), Tổng Công ty – Công ty mẹ thực hiện theo hướng dẫn của Điều 10 - Xử lý tài chính thời điểm doanh nghiệp cổ phần hóa chính thức chuyển thành công ty cổ phần tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần, nên đã không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm chính thức trở chuyển thành công ty cổ phần. Tổng Công ty – Công ty mẹ chính thức trở thành công ty cổ phần từ ngày 31/12/2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
**5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG****(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Bên thứ ba	942.858.358.862	672.251.464.058
<u>Trong đó:</u>		
- Công ty CP Licogi 13	5.433.758.824	-
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	9.988.592.995	7.311.024.828
- Ban Quản lý Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La	29.731.324.541	41.544.966.344
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện 1	106.268.289.347	32.291.901.101
- Ban Quản lý Dự án Thủy điện 3	13.481.426.654	-
- Ban Quản lý Dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1	-	31.513.066.871
- Công ty CP Thủy điện A Vương	28.225.556.461	28.256.854.282
- Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng Đại học Quốc gia Hà Nội	12.790.509.816	11.325.501.442
- Công ty CP Thủy điện Đắk Rinh	106.460.437.797	-
- Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thái Sơn	21.866.175.163	-
- Công ty CP KT Đô thị Nam Thăng Long	1.069.782.950	-
- Công ty CP Đầu tư và xây dựng số 8	21.261.594.839	-
- Công ty TNHH Doosan Việt Nam	1.044.535.729	-
- Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa	12.820.180.175	-
- Cty CP Đầu tư địa ốc Đại Quang Minh	13.155.000.000	-
- Tổng Công ty Xây dựng Thủy Lợi 4	-	15.437.268.668
- Công ty CP Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	15.662.726.396
- Công ty CP Xây lắp và Bất động sản Điện lực dầu khí Việt Nam	12.572.632.461	12.572.632.461
- Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	9.950.668.710	15.170.999.680
- Công ty CP Kết cấu kim loại và lắp máy dầu khí	-	12.659.466.702
- Các khoản phải thu khách hàng của COMETCO sau khi sáp nhập với Chi nhánh Licogi 2(i)	11.689.359.409	11.689.359.409
- Ban Quản lý đầu tư các công trình Văn hóa, Thể thao tỉnh Quảng Ninh	23.185.966.000	-
- Ban điều hành gói thầu số 10 Âu Tàu	7.814.561.352	7.814.561.352
- Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Ánh Dương	14.489.420.751	1.797.006.184
- Ban Quản lý dự án 6	12.366.660.433	-
- Đối tượng khác	451.529.198.059	427.204.128.338
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	68.253.829.230	39.090.902.744
	1.011.112.188.092	711.342.366.802
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(162.491.453.880)	(13.357.720.208)
	848.620.734.212	697.984.646.594

- (i) Các khoản phải thu khách hàng được chuyển giao khi sáp nhập COMETCO: Theo Quyết định số 41/QĐ/TCT-HĐTV ngày 26/01/2011, Công ty Xây dựng Cấp thoát nước và Hạ tầng kỹ thuật ("COMETCO") – đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Licogi - được sáp nhập vào Chi nhánh Licogi 2 của Tổng Công ty – Công ty mẹ. Theo đó, Chi nhánh Licogi 2 (Chi nhánh hạch toán độc lập của Tổng Công ty – Công ty mẹ) kế thừa toàn bộ tài sản, lao động, các khoản phải thu, phải trả, các hợp đồng kinh tế bao gồm quyền và các nghĩa vụ pháp lý được bàn giao từ COMETCO.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
**5 PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)****(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Tiếp theo)**

(\*) Chi tiết các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi của khách hàng tại ngày 31/12/2016 bao gồm:

	<b>31/12/2016</b>	
	<b>Giá trị gốc VNĐ</b>	<b>Dự phòng VNĐ</b>
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Số 8	21.261.594.839	21.261.594.839
Công ty CP KT Đô thị Nam Thăng Long	5.566.684.600	5.566.684.600
Công ty CP PT và Đầu tư Đại Sơn	4.449.989.593	4.449.989.593
Xí nghiệp sản xuất VLXD Thủy lợi thủy điện (IDICO)	4.395.125.622	4.395.125.622
Công ty CP Phát triển đường cao tốc Biên Hòa	3.188.003.804	3.188.003.804
Ban Quản lý dự án Xây dựng TP Đà Nẵng - Nhà biểu diễn Đà Nẵng	3.854.751.000	3.854.751.000
Công ty COSEVCO 9 (Kho đá vôi S.danh )	3.346.494.000	3.346.494.000
Công ty Ngô Quyền - TTHT Triển lãm Hải Phòng	3.286.000.000	3.286.000.000
Các khoản phải thu khách hàng của COMETCO sau khi sáp nhập với Chi nhánh Licogi 2	11.689.359.409	11.689.359.409
Công ty CP Thực phẩm Miền Bắc	15.662.726.396	15.662.726.396
Công ty CP XL Bất động sản Điện Lực dầu khí VN	12.572.632.461	12.572.632.461
Các đối tượng khác	89.922.391.565	73.218.092.156
	<b>179.195.753.289</b>	<b>162.491.453.880</b>

**(b) Phải thu dài hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2016 VNĐ</b>	<b>01/01/2016 VNĐ</b>
Bên thứ ba	-	290.091.187.929
<u>Trong đó:</u>		
- Ban Quản lý Dự án thủy điện 1	-	87.205.991.665
- Công ty CP Thủy điện Đakđrinh	-	74.098.344.942
- Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn	-	29.137.135.049
- Công ty CP Đầu tư và xây dựng Số 8	-	21.761.594.839
- Ban Quản lý Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La	-	19.746.280.360
- Công ty CP KT Đô thị Nam Thăng Long	-	5.566.684.600
- Công ty CP Phát triển và Đầu tư Đại Sơn	-	4.449.989.593
- Đối tượng khác	-	48.125.166.881
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	-	1.865.066.138
	<b>-</b>	<b>291.956.254.067</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Bên thứ ba	48.754.589.744	120.296.120.940
<u>Trong đó:</u>		
- Công ty CP Tập đoàn Hoàng Hà	-	16.043.000.000
- Công ty CP Licogi 16	60.413.690	13.830.155.580
- Công ty CP Licogi 16 M&C	-	10.909.970.767
- Công ty CP Xây dựng 203 (Dự án Bình Giang)	6.829.116.000	6.829.116.000
- Công ty TNHH Vật tư thiết bị Tuấn Long	6.775.150.000	-
- Đối tượng khác	35.089.910.054	72.683.878.593
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	3.695.789.577	3.695.789.577
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	52.450.379.321 (5.200.610.943)	123.991.910.517 -
	<u>47.249.768.378</u>	<u>123.991.910.517</u>

(\*) Chi tiết các khoản dự phòng trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2016 bao gồm:

	31/12/2016	
	Giá trị gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Dự phòng khoản mục trả trước cho người bán của COMETCO sau khi sáp nhập với Chi nhánh Licogi 2	1.557.155.139	1.557.155.139
Công ty CP Xây lắp Việt Nam	2.533.222.822	1.773.255.973
Các đối tượng khác	1.895.703.384	1.870.199.831
	<u>5.986.081.345</u>	<u>5.200.610.943</u>

**7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	31/12/2016	
	Giá trị gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà (i)	4.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Đầu tư và vật liệu xây dựng Đông Anh 8 (ii)	20.663.740.010	22.522.727.010
	<u>24.663.740.010</u>	<u>28.522.727.010</u>

(i) Là khoản cho vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng ngày 05/04/2012 giữa Công ty CP Licogi 9 và Công ty CP Thủy điện Bắc Hà, công ty liên kết. Khoản vay áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

(ii) Là khoản cho vay ngắn hạn theo hợp đồng hỗ trợ vay vốn giữa Công ty CP Đầu tư, Xây lắp và VLXD Đông Anh và Công ty CP Đầu tư và VLXD Đông Anh 8, công ty liên kết. Khoản vay áp dụng lãi suất cho vay của Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**8 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Phải thu chi phí cổ phần hóa	4.487.877.599	5.692.361.418
Cổ tức phải thu từ các đơn vị đầu tư	1.794.442.500	358.020.000
Phải thu Ban Quản lý Dự án Khu đô thị Thịnh Liệt (i)	55.156.171.384	38.663.273.344
Phải thu khác của COMETCO khi sát nhập vào Chi nhánh Licogi 2(Thuyết minh số 5(a))	27.516.766.744	27.516.766.744
Phải thu Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu liên quan tới Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	8.692.075.717	7.466.998.172
Phải thu Công ty CP Đầu tư – Xây dựng Licogi 9.1 (ii)	19.755.224.170	19.755.224.170
Phải thu từ chủ đầu tư mới của Dự án KĐTMT Yên Thanh (Thuyết minh số 10)	46.872.815.615	-
Tạm ứng tiền giải phóng mặt bằng cho UBND huyện Đông Hưng, Thái Bình cho Dự án KĐTMT Đông Hưng	21.000.000.000	21.000.000.000
Phải thu về tạm ứng nội bộ	96.789.122.189	93.709.712.757
Các khoản phải thu khác	71.831.263.764	100.297.087.293
	<u>379.389.163.631</u>	<u>339.952.847.847</u>
Dự phòng phải thu khó đòi (*)	(180.672.350.997)	-
	<u><u>198.716.812.634</u></u>	<u><u>339.952.847.847</u></u>

(i) Khoản mục này là khoản tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt trong quá trình thực hiện dự án. Dự án này ban đầu do Tổng công ty – Công ty mẹ thực hiện nhưng sau đó đã được chuyển giao sang cho công ty con, Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi từ ngày 20 tháng 7 năm 2016. Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng này là thấp nên đã trích lập dự phòng 100%.

(ii) Khoản phải thu liên quan tới số tiền Công ty CP Đầu tư – Xây dựng Licogi 9.1 còn phải trả cho Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 liên quan đến việc chuyển nhượng Dự án KĐTMT Licogi tại Cà Mau trong năm 2012 với tổng giá trị hợp đồng chuyển nhượng là 67 tỷ đồng. Khoản phải thu này đã quá hạn nhiều năm nhưng Tổng Công ty chưa lập dự phòng cho khoản phải thu này.

(\*) Chi tiết các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi tại ngày 31/12/2016 bao gồm:

	31/12/2016	
	Giá trị gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Phải thu khác của COMETCO khi sát nhập vào Chi nhánh Licogi 2	27.516.766.744	27.516.766.744
Phải thu Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	25.493.403.949
Phải thu Ban Quản lý Dự án Khu đô thị Thịnh Liệt	55.156.171.384	54.986.617.577
Phải thu tiền Cổ phần hóa các công ty con	4.936.033.343	3.624.299.293
Phải thu liên quan tới dự án Cẩm Thủy	8.692.075.717	6.079.942.000
Các khoản tạm ứng	65.939.322.113	32.955.719.892
Các khoản phải thu khác	48.938.082.654	30.015.601.542
	<u>236.671.855.904</u>	<u>180.672.350.997</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**9 NỢ XẤU**

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi được trình bày như sau:

	Tại ngày 31/12/2016		
	Giá gốc VNĐ	Giá trị có thể thu hồi VNĐ	Dự phòng VNĐ
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán cần lập dự phòng</b>			
i) Phải thu khách hàng (Thuyết minh 5)	179.195.753.289	16.704.299.409	162.491.453.880
ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6)	5.986.081.345	785.470.402	5.200.610.943
iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8)	236.671.855.904	55.999.504.907	180.672.350.997
	<u>421.853.690.538</u>	<u>73.489.274.718</u>	<u>348.364.415.820</u>

**10 HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng đang đi trên đường	9.482.500.682	-	-	-
Nguyên vật liệu tồn kho	120.025.737.161	(3.460.316.211)	139.465.173.175	(1.028.169.956)
Thành phẩm tồn kho	65.460.574.490	-	58.117.868.885	-
Chi phí SXKD dở dang	638.956.146.168	-	882.211.795.827	-
Công cụ, dụng cụ trong kho	6.515.792.758	-	7.505.071.398	-
Hàng hóa và hàng gửi bán	939.357.994	-	2.586.624.204	-
	<u>841.380.109.253</u>	<u>(3.460.316.211)</u>	<u>1.089.886.533.489</u>	<u>(1.028.169.956)</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**10 HÀNG TỒN KHO (TIẾP THEO)**

Chi phí SXKD dở dang chủ yếu là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang. Chi tiết như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt	-	8.755.432.348
Dự án KĐTMT C5	7.607.255.233	20.840.560.053
Dự án KĐTMT Đồi T5	15.670.996.409	7.832.253.547
Dự án KĐTMT Nam Ga Hạ Long (i)	86.543.942.905	177.177.047.907
Dự án KĐTMT Yên Thanh, Uông Bí, Quảng Ninh (iii)	-	65.346.760.657
Dự án MDF Kiên Giang	20.897.456.435	14.258.663.444
Dự án 423 Minh Khai	24.064.946.427	-
Dự án Khu dân cư Licogi 17 (ii)	10.855.844.571	6.627.739.939
Công trình Thủy điện Bản Chát	40.797.823.644	46.606.388.895
Công trình Nhà máy Xi măng Đồng Lâm	-	20.704.174.978
Công trình Kho than Nhiệt điện Vĩnh Tân	-	20.566.636.711
Công trình Cửa vách nhôm kính Toà nhà Park 8	-	9.447.012.051
Công trình Thủy điện Đắk Đrinh	15.052.995.412	36.031.642.877
Công trình Thủy điện Đắk My 3	15.513.763.515	13.504.458.037
Công trình KĐTMT Thủ Thiêm	23.476.378.817	1.573.248.358
Công trình Trụ sở Công an TP HCM	25.232.122.536	29.672.983.894
Công trình Đường sắt đô thị Ba Son	9.215.267.597	7.747.761.082
Công trình Quốc lộ 51	-	26.416.229.773
Công trình Thủy điện Suối chắn 2 Lào Cai	6.021.896.710	7.906.609.733
Công trình khác	220.653.378.162	248.382.202.193
	<u>521.604.068.373</u>	<u>769.397.806.477</u>
Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang	117.352.077.795	112.813.989.350
	<u>638.956.146.168</u>	<u>882.211.795.827</u>

- (i) Dự án KĐTMT Nam Ga Hạ Long, Quảng Ninh do Chi nhánh Licogi 2 thuộc Tổng Công ty – Công ty mẹ thực hiện: Trong năm 2014 và 2015, Tổng Công ty đã ghi nhận tổng doanh thu cho Dự án này khoảng 88,4 tỷ đồng dựa trên số tiền thanh toán trước từ khách hàng. Chi phí tương ứng với doanh thu nói trên là 67,9 tỷ đồng và đã được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm 2014 và 2015. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã ghi giảm doanh thu và giá vốn hàng bán năm 2016 với giá trị lần lượt là 17,8 tỷ đồng và 14,5 tỷ đồng liên quan tới lô đất mà khách hàng không tiếp tục thực hiện hợp đồng và trả lại cho Tổng Công ty.
- (ii) Dự án Khu dân cư Licogi 17 do Công ty CP Licogi 17 thực hiện: Trong năm 2015, Tổng Công ty đã ghi nhận tổng doanh thu cho Dự án này khoảng 21,1 tỷ đồng dựa trên số tiền thanh toán trước từ khách hàng. Chi phí tương ứng với doanh thu nói trên là 14,2 tỷ đồng và đã được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm 2015.
- (iii) Dự án KĐTMT Yên Thanh, Uông Bí, Quảng Ninh do Chi nhánh Licogi 2 thuộc Tổng Công ty – Công ty mẹ thực hiện. Dự án này có tổng chi phí phát sinh đến ngày 31/12/2016 là 66,4 tỷ đồng và đã bị UBND tỉnh Quảng Ninh thu hồi theo Quyết định 4011/QĐ-UBND ngày 16/12/2015. Theo Quyết định này, các chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng sẽ được bồi hoàn bởi chủ đầu tư mới với số tiền được xác định là 46,9 tỷ đồng. Phần chênh lệch 19,5 tỷ đồng đã được ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ (Thuyết minh 25).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC****(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/12/2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>01/01/2016</b> <b>VNĐ</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	2.169.844.244	20.098.321.617
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	475.142.438	458.733.227
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	269.009.966	12.383.123.191
	<u>2.913.996.648</u>	<u>32.940.178.035</u>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>01/01/2016</b> <b>VNĐ</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	22.422.794.900	16.015.207.332
Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa	7.516.462.503	11.507.957.218
Tiền thuê đất trả trước	7.407.775.828	2.710.647.394
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	6.217.126.470	6.848.995.305
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.593.683.691	510.436.793
	<u>46.157.843.392</u>	<u>37.593.244.042</u>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

<b>12</b>	<b>TÀI SẢN CỐ ĐỊNH</b>	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc, thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận tải VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tài sản cố định khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
	<b>Nguyên giá</b>						
	Tại ngày 01/01/2016	228.901.669.155	1.041.213.702.582	195.149.116.582	5.887.228.177	1.427.828.569	1.472.579.545.065
	Mua trong năm	747.530.206	23.070.026.482	2.386.455.460	310.234.182	-	26.514.246.330
	XDCB hoàn thành trong kỳ	5.711.813.817	24.990.069.345	665.689.091	112.924.000	-	31.480.496.253
	Phân loại từ tài sản thuê tài chính	-	3.223.330.842	-	-	-	3.223.330.842
	Thanh lý, nhượng bán	(8.073.786.122)	(78.029.585.798)	(8.958.712.308)	(191.825.782)	(53.370.351)	(95.307.280.361)
	Phân loại lại	(2.551.326.454)	2.551.326.454	-	-	-	-
	Tăng khác	-	422.356.799	-	85.100.211	-	507.457.010
	Tại ngày 31/12/2016	224.735.900.602	1.017.441.226.706	189.242.548.825	6.203.660.788	1.374.458.218	1.438.997.795.139
	<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
	Tại ngày 01/01/2016	119.680.751.228	715.737.494.283	150.205.192.493	4.312.720.505	948.943.643	990.885.102.152
	Khấu hao trong kỳ	11.586.079.621	54.932.180.523	13.743.114.867	625.309.978	283.756.259	81.170.441.248
	Phân loại từ tài sản thuê tài chính	-	3.223.330.842	-	-	-	3.223.330.842
	Thanh lý, nhượng bán	(5.120.953.869)	(73.104.142.437)	(8.596.275.118)	(158.038.424)	(53.370.351)	(87.032.780.199)
	Tăng/(giảm) khác	(1.780.701.568)	1.736.187.273	(3.895.384.568)	207.969.415	-	(3.731.929.448)
	Tại ngày 31/12/2016	124.365.175.412	702.525.050.484	151.456.647.674	4.987.961.474	1.179.329.551	984.514.164.595
	<b>Giá trị còn lại</b>						
	Tại ngày 01/01/2016	109.220.917.927	325.476.208.299	44.943.924.089	1.574.507.672	478.884.926	481.694.442.913
	Tại ngày 31/12/2016	100.370.725.190	314.916.176.222	37.785.901.151	1.215.699.314	195.128.667	454.483.630.544

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)****(a) Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Tại ngày 31/12/2016, nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 433,847 tỷ đồng.

Tại ngày 31/12/2016, TSCĐ của Tổng Công ty với tổng giá trị còn lại là 246,431 tỷ đồng đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tổng Công ty.

**(b) Tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Máy móc thiết bị VNĐ</b>	<b>Phương tiện vận tải VNĐ</b>	<b>Tổng cộng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2016	3.223.330.842	2.646.908.909	5.870.239.751
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình	(3.223.330.842)	-	(3.223.330.842)
Tại ngày 31/12/2016	-	2.646.908.909	2.646.908.909
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2016	3.223.330.842	330.863.616	3.554.194.458
Khấu hao trong kỳ	-	330.863.616	330.863.616
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình	(3.223.330.842)	-	(3.223.330.842)
Tại ngày 31/12/2016	-	661.727.232	661.727.232
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2016	-	2.316.045.293	2.316.045.293
Tại ngày 31/12/2016	-	1.985.181.677	1.985.181.677

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**12 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TIẾP THEO)****(c) Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VNĐ	Phần mềm máy tính VNĐ	TSCĐ vô hình khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2016	25.152.123.546	169.085.715	530.000.000	25.851.209.261
Phân loại lại từ hàng tồn kho	12.625.047.471	-	-	12.625.047.471
Giảm trong năm	(6.463.526.091)	-	-	(6.463.526.091)
Tại ngày 31/12/2016	31.313.644.926	169.085.715	530.000.000	32.012.730.641
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2016	2.780.564.412	159.363.493	530.000.000	3.469.927.905
Khấu hao trong năm	234.452.400	5.000.000	-	239.452.400
Giảm trong năm	(438.126.856)	-	-	(438.126.856)
Tại ngày 31/12/2016	2.576.889.956	164.363.493	530.000.000	3.271.253.449
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2016	22.371.559.134	9.722.222	-	22.381.281.356
Tại ngày 31/12/2016	28.736.754.970	4.722.222	-	28.741.477.192

**13 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN****(a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn**

Chi phí SXKD dở dang dài hạn là chi phí dở dang của các dự án công trình xây dựng, các dự án bất động sản của Tổng Công ty đang trong quá trình xây dựng mà có thời gian thực hiện và luân chuyển trên 12 tháng. Chi tiết chi phí SXKD dở dang trình bày theo các dự án như sau:

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (do Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi thực hiện) (*)	691.511.418.703	541.250.592.179
Dự án KĐTMT Thịnh Liệt – Hạ tầng mục Lô CT7 (do Chi nhánh Licogi 2 thực hiện) *	10.788.313.281	10.788.313.281
Dự án Đầu tư Thủy điện Cẩm Thủy 2	4.589.571.314	4.449.259.594
Dự án Khu đô thị mới Đông Hưng, Thái Bình	4.277.553.403	-
	<u>711.166.856.701</u>	<u>556.488.165.054</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**13 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

**(a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (Tiếp theo)**

(\*) Tính đến ngày 31/12/2016, tổng chi phí đã phát sinh lũy kế cho Dự án KĐTMT Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội là 702 tỷ đồng, trong đó bao gồm 282 tỷ đồng vốn hóa lãi vay. Tính đến ngày 01/01/2016, Tổng Công ty – Công ty mẹ đã thực hiện vốn hóa lãi vay vào Dự án Khu Đô thị mới Thịnh Liệt với tổng giá trị lũy kế là 191 tỷ đồng. Trong năm 2016, Tổng Công ty – Công ty mẹ tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay vào Dự án Khu Đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị là 90,6 tỷ đồng, trong đó ghi nhận đối ứng với khoản mục phải trả ngắn hạn khác là 87,5 tỷ đồng.

Vào ngày 20/07/2016, Dự án KĐTMT Thịnh Liệt đã được chuyển giao từ Tổng Công ty – Công ty mẹ sang cho Công ty TNHH Nhà ở và Đô thị Licogi, công ty con, tiếp tục thực hiện dự án.

Tại ngày 31/12/2016, Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt, quận Hoàng Mai, Hà Nội đã được dùng để làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngân hàng của Tổng Công ty – Công ty mẹ.

**(b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang cuối năm chủ yếu bao gồm:

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Công trình xây dựng Trụ sở làm việc và văn phòng cho thuê tại Lô E7 đường Phạm Hùng (Tổng Công ty – Công ty mẹ)	9.647.644.263	8.917.867.823
Công trình xây dựng Trụ sở làm việc (Licogi 17)	8.697.363.218	7.610.767.908
Công trình xây dựng Nhà máy Mỏ đá Cà Ty (Licogi Quảng Ngãi)	11.838.054.996	23.499.437.027
Công trình xây dựng Nhà máy gạch Phong Niên 2 (Licogi Quảng Ngãi)	-	3.675.308.588
Chi phí xây dựng xưởng sản xuất (VLXD Đông Anh)	1.810.364.739	-
Chi phí đền bù hỗ trợ tư vấn đất nông nghiệp (VLXD Đông Anh)	5.029.072.475	5.029.072.475
Mua sắm máy móc (Licogi 9)	1.567.415.911	4.303.510.929
Chi phí xây dựng xưởng sản xuất (Licogi 9)	5.528.701.808	-
Chi phí XD CB dở dang khác	14.248.450.850	7.090.743.154
	<u>58.367.068.260</u>	<u>60.126.707.904</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
**14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN****(a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Bên thứ ba	848.936.436.119	691.588.745.260
<u>Trong đó:</u>		
- Công ty CP Licogi 12	16.627.828.804	17.770.035.789
- Công ty CP Licogi 13	113.122.226.287	56.135.835.274
- Công ty CP Licogi 16	42.552.392.338	-
- Công ty CP Đầu tư xây dựng số 18	37.786.849.648	32.934.134.635
- Công ty CP Đầu tư xây dựng số 18.1	26.429.078.179	8.472.566.345
- Công ty TNHH Thương mại kỹ thuật Việt Hải	53.001.178.264	47.970.273.848
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô (Công trình thủy điện A Vương)	22.824.806.722	253.636.000
- Công ty CP Đầu tư xây dựng hạ tầng và khai thác mỏ Tân Việt Bắc	11.224.002.998	-
- Công ty TNHH MTV Hà Thành	16.864.526.732	12.322.779.660
- Công ty TNHH Xây dựng TM Chính Công	4.219.954.740	5.830.871.828
- Nhà máy Cơ khí xây dựng Đông Anh	-	18.267.936.322
- Doanh nghiệp TN Trần Phúc	-	13.554.324.888
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thép Việt Dũng	12.909.075.709	2.425.521.209
- Phải trả người bán của COMETCO khi sáp nhập vào Chi nhánh Licogi 2 (Thuyết minh số 5(a))	13.426.012.547	13.564.459.215
- Thầu phụ của Ban điều hành Dung Quất	12.376.483.794	12.569.034.037
- Xí nghiệp khai thác và chế biến đá xuất khẩu An Giang	3.236.951.610	3.236.951.610
- Đội xử lý nền móng (Ô. Yên)	1.525.848.182	1.525.848.182
- Đối tượng khác	460.809.219.565	444.754.536.418
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	2.018.382.055	1.764.457.862
	<u>850.954.818.174</u>	<u>693.353.203.122</u>

**(b) Phải trả người bán dài hạn**

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Bên thứ ba	-	209.231.280.491
<u>Trong đó:</u>		
- Công ty CP Licogi 13	-	67.984.152.209
- Công ty CP Licogi 16	-	76.707.149.679
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô (Công trình thủy điện A Vương)	-	22.824.806.722
- Đối tượng khác	-	41.715.171.881
	<u>-</u>	<u>209.231.280.491</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**
**15 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Bên thứ ba	297.621.767.993	266.865.353.709
<b>Trong đó:</b>		
- Khách hàng cá nhân (Dự án Nam Ga Hạ Long)	50.338.003.000	-
- Khách hàng cá nhân (Dự án Khu đô thị Đông Hưng, Thái Bình và Dự án Bình Giang)	21.089.339.654	21.089.339.654
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô	30.707.123.540	30.707.123.540
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	23.371.663.494
- Tổng Công ty 319	-	16.000.000.000
- Công ty CP Xi măng Xuân Thành	10.726.807.000	-
- Công ty CP Xây dựng và Kinh doanh địa ốc Hòa Bình	15.000.000.000	-
- Ban Quản lý dự án Nhà máy chế biến gỗ MDF Kiên Giang	7.896.338.332	3.347.158.027
- Các khoản người mua trả tiền trước ngắn hạn của COMETCO khi sáp nhập với Chi nhánh Licogi 2	284.439.176	284.439.176
- Công ty CP BOT Đại Dương	3.445.144.200	3.445.144.200
- Công ty CP Thủy điện Sông Vàng	1.833.014.559	1.833.014.559
- Công ty CP SX và KD VLXD IDICO	2.011.030.667	2.011.030.667
- UBND huyện Sơn Tịnh	7.492.563.000	6.232.640.123
- Công ty TNHH Vincom 2, Tuy Hòa, Phú Yên	4.437.256.170	-
- Công ty CP Phát triển đô thị Nam Hà Nội	3.775.370.159	9.718.669.132
- Tiền nhận trước từ hợp đồng góp vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật KDC Licogi 17	20.095.284.235	3.592.941.002
- Công ty CP Thủy điện Đak Rinh	-	8.089.313.695
- Đối tượng khác	118.490.054.301	137.142.876.440
Bên liên quan (Thuyết minh 32(b))	2.860.193.368	-
	300.481.961.361	266.865.353.709

**16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	80.809.071.525	94.148.478.100
Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	13.199.758.475	25.876.137.527
Thuế thu nhập cá nhân	1.256.166.724	1.787.755.688
Thuế tài nguyên	2.272.415.136	1.043.108.028
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	2.468.112.874	1.236.608.030
Thuế phải nộp của COMETCO khi sáp nhập với Chi nhánh Licogi 2	13.573.177.609	7.907.907.649
Các loại thuế và các khoản phải nộp khác (phạt nộp chậm thuế, ...)	76.334.757.111	54.114.818.116
	189.913.459.454	186.114.813.138



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP THEO)**

Tình hình biến động của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà Nước như sau:

	Tại ngày 01/01/2016 VNĐ	Số phải nộp trong kỳ VNĐ	Số đã thực nộp trong kỳ VNĐ	Tại ngày 31/12/2016 VNĐ
Thuế GTGT	94.148.478.100	213.833.083.667	(227.172.490.242)	80.809.071.525
Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.868.777.014	(2.868.777.014)	-
Thuế TNDN	25.876.137.527	7.295.746.138	(19.972.125.190)	13.199.758.475
Thuế thu nhập cá nhân	1.787.755.688	3.548.511.729	(4.080.100.693)	1.256.166.724
Thuế tài nguyên	1.043.108.028	3.033.504.044	(1.804.196.936)	2.272.415.136
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	1.236.608.030	1.528.167.664	(296.662.820)	2.468.112.874
Thuế phải nộp của COMETCO chuyển giao cho Chi nhánh Licogi 2	7.907.907.649	5.665.269.960	-	13.573.177.609
Các loại thuế và các khoản phải nộp khác (phạt nộp chậm thuế, ...)	54.114.818.116	29.999.913.244	(7.779.974.249)	76.334.757.111
	<u>186.114.813.138</u>	<u>267.772.973.460</u>	<u>(263.974.327.144)</u>	<u>189.913.459.454</u>

**17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	96.319.164.679	134.500.195.753
Trong đó:		
- Dự án KĐTMT Thịnh Liệt	13.669.645.991	8.011.958.900
- Dự án C8 Mở rộng (Quảng Ninh) (*)	11.029.659.263	4.658.299.136
- Dự án C5-C8 (Quảng Ninh)	4.199.894.211	4.486.797.454
- Dự án Đồi T5 (Quảng Ninh)	4.212.727.653	3.070.402.157
- Dự án 20 Cộng Hòa Hồ Chí Minh	11.064.357.198	10.281.129.637
- Công trình cung triển lãm Quảng Ninh	-	19.709.272.727
- Các công trình khác	52.142.880.363	84.282.335.742
Chi phí lãi vay	27.413.193.874	34.205.573.774
Trích trước VAT liên quan đến phần doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn	3.816.868.129	-
Các khoản khác	4.762.144.153	7.356.610.180
	<u>132.311.370.835</u>	<u>176.062.379.707</u>

(\*) Trong tổng số 11 tỷ đồng trích trước chi phí cho Dự án C8 Mở rộng, có 4,2 tỷ đồng trích trước cho hạng mục xây dựng bãi tắm của Dự án này. Giá trị trích trước của bãi tắm được ghi nhận dựa trên dự toán kinh phí được phê duyệt từ năm 2004. Do hạng mục bãi tắm này đã bị đình trệ lâu ngày, Tổng Công ty chưa xác định được thời điểm thực hiện và chi phí ước tính để xây dựng bãi tắm này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	35.858.534.338	29.673.278.877
Kinh phí công đoàn	4.847.998.216	5.527.095.499
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (i) (Thuyết minh 32(b))	60.000.000.000	60.000.000.000
Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) liên quan đến cổ phần hóa (ii)	9.819.098.046	10.873.430.149
Vốn hóa chi phí lãi vay - Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (Thuyết minh 13)	87.464.329.421	-
Phải trả nội bộ cho chi phí dự án – Tổng Công ty – Công ty mẹ	4.538.072.587	-
Chi phí lãi vay - Licogi 9	1.714.514.152	-
Phải trả đội thi công theo hợp đồng giao khoán – Licogi 20	32.730.307.287	33.846.895.101
Các khoản khác	69.720.103.600	84.011.699.967
	<u>306.692.957.647</u>	<u>223.932.399.593</u>

(i) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty – Công ty mẹ đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh tiến hành Dự án KĐTMT Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, cổ đông của Tổng Công ty. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty – Công ty mẹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án KĐTMT Thịnh Liệt.

(ii) Biến động khoản phải trả cho Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước (“SCIC”) trong năm như sau:

	<b>VNĐ</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (số đã báo cáo)	6.761.824.978
Điều chỉnh của kiểm toán nhà nước (Thuyết minh 21)	4.111.605.171
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 (sau điều chỉnh của kiểm toán Nhà nước)	10.873.430.149
Thanh toán trong năm	(1.054.332.103)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>9.819.098.046</u>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**19 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

(a)	Vay ngắn hạn	Tại ngày	Phát sinh trong kỳ		Tại ngày
		01/01/2016 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	31/12/2016 VNĐ
	Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	1.139.857.320.222	1.869.678.169.794	(1.941.484.229.773)	1.068.051.260.243
	Vay ngắn hạn bên thứ ba (**):	150.829.348.319	60.960.495.505	(53.845.913.900)	157.943.929.924
	Trong đó:				
	- Vay Tập đoàn Sông Đà (i)	17.815.763.516	-	-	17.815.763.516
	- Vay cá nhân (ii)	130.543.584.803	60.956.495.505	(51.371.913.900)	140.128.166.408
	- Vay khác	2.470.000.000	4.000.000	(2.474.000.000)	-
	Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19(b))	23.521.051.314	140.675.076.063	(24.888.009.902)	139.308.117.475
		<u>1.314.207.719.855</u>	<u>2.071.313.741.362</u>	<u>(2.020.218.153.575)</u>	<u>1.365.303.307.642</u>

(\*) Vay ngắn hạn ngân hàng: là các khoản vay ngắn hạn của Tổng Công ty từ các ngân hàng thương mại trong nước theo các hợp đồng hạn mức tín dụng nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động cho Tổng Công ty. Các khoản vay áp dụng lãi suất cho vay của ngân hàng tại ngày giải ngân và được đảm bảo bằng tài sản của Tổng Công ty.

(\*\*) Vay ngắn hạn bên thứ ba chủ yếu bao gồm:

- i) Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTD/TĐSD - LICOGI kí ngày 30/12/2011 giữa Tổng Công ty - Công ty mẹ và Tập đoàn Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng cho mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất 20% một năm. Các khoản vay được bảo đảm bằng cổ phần của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ. Khoản vay này đã đáo hạn. Tại ngày 31/12/2016, tổng số dư bao gồm cả nợ gốc và lãi vay của hợp đồng này là 24.833.333.333 đồng trong đó bao gồm 17.815.763.516 đồng được trình bày trong khoản mục vay ngắn hạn và 7.017.569.817 đồng được trình bày trong khoản mục chi phí phải trả.

- ii) Các khoản vay ngắn cá nhân khác chủ yếu bao gồm các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty và các cá nhân khác để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động SXKD của Tổng Công ty hoặc triển khai đầu tư các dự án đầu tư BDS (Dự án KĐTMT Thịnh Liệt, Dự án KĐTMT Nam Ga Hạ Long). Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng Công ty vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong năm, mức lãi suất chủ yếu được áp dụng là 9,5%. Tại ngày 31/12/2016, tổng số dư các khoản vay ngắn hạn khác là 140.128.166.408 đồng.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**19 CÁC KHOẢN VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**(b) Vay dài hạn**

	Tại ngày	Phát sinh trong kỳ		Tại ngày
	01/01/2016 VNĐ	Tăng VNĐ	Giảm VNĐ	31/12/2016 VNĐ
Vay dài hạn ngân hàng (i)	419.082.427.696	108.531.680.699	(92.380.753.970)	435.233.354.425
Vay dài hạn bên thứ ba (ii)	29.178.690.212	5.602.931.817	(13.456.617.700)	21.325.004.329
Số phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 19(a))	(23.521.051.314)	24.888.009.902	(140.675.076.063)	(139.308.117.475)
	<u>424.740.066.594</u>	<u>139.022.622.418</u>	<u>(246.512.447.733)</u>	<u>317.250.241.279</u>

- (i) Vay dài hạn ngân hàng dài hạn: là các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty từ các ngân hàng thương mại trong nước theo các hợp đồng hạn mức tín dụng nhằm thực hiện các dự án đầu tư và mua sắm TSCĐ. Các khoản vay có thời hạn từ ba đến chín năm, áp dụng cả lãi suất thả nổi của ngân hàng và lãi suất cố định. Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của Tổng Công ty.
- (ii) Vay dài hạn bên thứ ba: chủ yếu bao gồm các khoản vay dài hạn của Tổng Công ty từ các cá nhân, chủ yếu từ từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty và các cá nhân khác theo các hợp đồng tín dụng để triển khai các dự án đầu tư. Lãi suất cho vay là lãi suất tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng và được điều chỉnh theo quy định của ngân hàng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**20 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU****(a) Số lượng cổ phiếu**

	<u>31/12/2016</u> <u>Cổ phiếu</u>	<u>01/01/2016</u> <u>Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000

Cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu tương ứng với một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>31/12/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>%</u>	<u>Cổ phiếu</u>	<u>%</u>
Phần vốn Nhà nước	36.640.691	40,71%	36.640.691	40,71%
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	31.500.000	35,00%	31.500.000	35,00%
Các cổ đông khác	21.859.309	24,29%	21.859.309	24,29%
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	90.000.000	100%	90.000.000	100%

**(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần**

	<b>Số cổ phiếu</b>
Tại ngày 01/01/2016	90.000.000
Cổ phiếu mới phát hành	-
Tại ngày 31/12/2016	90.000.000

**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**21 TÌNH HÌNH TẶNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ lũy kế) VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	493.166.941.618	7.666.104.576	-	115.440.545.970	5.111.024.164	547.103.283	74.933.828.363	696.865.547.974
Bổ sung vốn chủ sở hữu	8.767.492.612	10.004.160.000	-	(10.004.160.000)	-	-	(8.767.492.612)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	-	124.959.728.292	124.959.728.292
Trích lập các quỹ	-	-	-	114.700.617.354	-	-	(114.700.617.354)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(61.929.025.414)	(61.929.025.414)
Tặng do phát hành cổ phần	162.584.767.632	-	-	-	-	-	162.584.767.632	162.584.767.632
Hoàn nhập dự phòng	12.068.397.328	-	-	-	-	-	12.068.397.328	12.068.397.328
Tăng theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp	-	-	77.011.427.326	-	-	-	-	77.011.427.326
Tặng vốn đầu tư của chủ sở hữu	222.396.080.379	548.128.072	(156.286.123.135)	(68.172.098.034)	(5.111.024.164)	-	6.625.036.882	-
Giảm do công ty con chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(32.856.261.991)	(32.856.261.991)
Tặng/(giảm) do cổ phần hóa	1.133.680.683	(7.626.350.187)	-	(45.528.792.561)	-	-	(11.841.326.637)	(63.862.788.702)
Tặng/(giảm) do chia cổ tức từ Quỹ	-	-	-	(60.462.388.510)	-	-	60.462.388.510	-
Đầu tư phát triển	(117.360.252)	77.804.262	-	(1.311.582.427)	-	1.849.098.663	(6.990.589.861)	(6.492.629.615)
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	900.000.000.000	10.669.846.723	(79.274.695.809)	44.662.141.792	-	2.396.201.946	29.895.668.178	908.349.162.830
Điều chỉnh Kiểm toán Nhà nước (*):	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng lợi nhuận (rộng)	-	(548.128.072)	-	-	-	-	3.380.957.633	3.380.957.633
- Kết chuyển sang phải trả SCIC	-	-	-	-	-	-	(3.563.477.099)	(4.111.605.171)
Tại ngày 01/01/2016	900.000.000.000	10.121.718.651	(79.274.695.809)	44.662.141.792	-	2.396.201.946	29.713.148.712	907.618.515.292
Điều chỉnh lại cổ tức chưa loại trừ trong báo cáo hợp nhất giai đoạn trước (**)	-	-	-	-	-	-	(54.520.174.539)	(54.520.174.539)
Điều chỉnh lại cổ tức của công ty con	-	-	-	-	-	-	2.913.254.944	2.913.254.944
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	(414.482.798.099)	(414.482.798.099)
Trích lập các quỹ	-	-	-	15.667.832.175	-	557.932.192	(21.704.517.225)	(5.478.752.858)
Tặng/(giảm) khác	-	-	-	(1.354.674.159)	-	(879.136.567)	(702.383.654)	(2.936.194.380)
Tại ngày 31/12/2016	900.000.000.000	10.121.718.651	(79.274.695.809)	58.975.299.808	-	2.074.997.571	(458.783.469.861)	433.113.850.360

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**21 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

(\*) Điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước: Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015 (vào thời điểm Tổng Công ty – Công ty mẹ chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần) đã được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán độc lập khác. Ngoài ra, báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2013 đến ngày 31/12/2015 cũng được Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán trong năm 2016 và Tổng Công ty đã thực hiện các điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước vào báo cáo tài chính sau khi đã được đơn vị kiểm toán độc lập nói trên thực hiện kiểm toán.

(\*\*) Khi trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2013 đến 31/12/2015, Tổng Công ty không thực hiện loại trừ một số khoản cổ tức nhận được từ các công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo hướng dẫn tại Thông tư 202/2014/TT/BTC – Hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong năm tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định điều chỉnh sai sót này vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" của báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016.

**22 LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT**

Chi tiết của Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày như sau:

	<b>31/12/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	97.210.960.000	97.210.960.000
Vốn khác của chủ sở hữu	91.141.399	91.141.399
Cổ phiếu quỹ	(135.540.000)	(135.540.000)
Quỹ đầu tư phát triển	30.231.815.796	28.770.795.930
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.395.502.306	1.622.711.445
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(16.479.054.747)	19.080.781.590
	<u>113.314.824.754</u>	<u>146.640.850.364</u>

Biến động của Lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm được trình bày như sau:

	<b>VNĐ</b>
Số dư tại ngày 31/12/2015	146.780.869.774
Giảm do điều chỉnh của kiểm toán nhà nước	(140.019.410)
Số dư tại ngày 1/1/2016	146.640.850.364
Lỗi thuần phân bổ trong kỳ	(22.151.577.271)
Trích quỹ	(1.322.321.386)
Giảm do công ty con chia cổ tức	(9.788.013.000)
Giảm khác	(64.113.953)
Số dư tại ngày 31/12/2016	<u>113.314.824.754</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

**Từ 01/01/2016  
đến 31/12/2016**

Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	(414.482.798.099)
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	90.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>(4.605)</u>

**24 DOANH THU**

	<b>2016 VNĐ</b>	<b>2015 VNĐ</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	1.025.704.234.241	1.207.895.499.241
Doanh thu bán hàng	1.687.649.104.419	1.758.358.867.769
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.350.071.637	39.189.685.700
Doanh thu khác	159.864.112.971	105.664.391.609
	<u>2.918.567.523.268</u>	<u>3.111.108.444.319</u>
<b>Các khoản giảm trừ</b>		
Chiết khấu thương mại	(22.916.450)	(100.459.450)
Giảm giá hàng bán	(42.603.500)	(363.636.364)
Hàng bán bị trả lại	(18.830.541.796)	(822.329.058)
	<u>(18.896.061.746)</u>	<u>(1.286.424.872)</u>
<b>Doanh thu thuần bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	1.025.704.234.241	1.207.895.499.241
Doanh thu bán hàng	1.686.531.237.902	1.757.072.442.897
Doanh thu cung cấp dịch vụ	45.350.071.637	39.189.685.700
Doanh thu khác	142.085.917.742	105.664.391.609
Tổng doanh thu thuần	<u>2.899.671.461.522</u>	<u>3.109.822.019.447</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**25 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.010.505.967.133	1.157.670.238.398
Giá vốn hàng bán	1.491.483.943.484	1.584.984.320.963
Giá vốn cung cấp dịch vụ	33.826.155.664	32.674.011.864
Chi phí đã phát sinh của Dự án KĐTMT Yên Thanh không thể thu hồi (Thuyết minh số 10)	19.495.058.270	-
Giá vốn khác	123.298.783.777	58.076.695.861
	<u>2.678.609.908.328</u>	<u>2.833.405.267.086</u>

**26 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.102.404.567	11.791.486.441
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.651.422.500	67.890.053.900
Đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính	-	89.498.648.044
Doanh thu hoạt động tài chính khác	328.084.095	68.533.120
	<u>8.081.911.162</u>	<u>169.248.721.505</u>

**27 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>
Chi phí lãi vay	147.600.802.431	53.911.571.316
Chi phí tài chính khác	6.784.516.510	31.551.635.350
	<u>154.385.318.941</u>	<u>85.463.206.666</u>

**28 CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	<b>2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>
Chi phí nhân viên	20.769.969.086	17.534.146.673
Chi phí khấu hao TSCĐ	799.152.378	799.757.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.377.530.612	5.326.399.840
Chi phí khác	18.621.191.519	20.170.861.089
	<u>50.567.843.595</u>	<u>43.831.165.202</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**29 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>
Chi phí nhân viên	104.484.260.946	96.094.938.902
Chi phí khấu hao TSCĐ	12.104.686.094	8.639.782.000
Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	17.472.258.685	8.090.875.343
Dự phòng phải thu khó đòi	320.602.067.747	14.986.070.790
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.153.091.693	7.430.846.704
Chi phí khác	60.267.679.544	73.662.849.875
	<u>525.084.044.709</u>	<u>208.905.363.614</u>

**30 THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<b>2016</b> <b>VNĐ</b>	<b>2015</b> <b>VNĐ</b>
<b>Thu nhập khác</b>		
Lợi nhuận từ thanh lý TSCĐ	16.170.280.439	14.977.086.737
Thu nhập khác	6.420.542.702	2.886.759.155
	<u>22.590.823.141</u>	<u>17.863.845.892</u>
<b>Chi phí khác</b>		
Lỗ thanh lý TSCĐ	-	1.049.928.890
Chi phí khấu hao TSCĐ tạm thời không sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh	10.620.101.008	8.743.300.000
Các khoản tiền phạt	29.229.720.197	31.885.686.715
Chi phí khác	5.007.486.341	5.853.818.830
	<u>44.857.307.546</u>	<u>47.532.734.435</u>
Chi phí khác - Số thuần	<u>(22.266.484.405)</u>	<u>(29.668.888.543)</u>

**31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

Theo các quy định thuế hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế và được tính như sau:

	<b>2016</b> <b>VNĐ</b>
Lỗ kế toán trước thuế	(427.523.301.922)
Thuế tính ở thuế suất 20%	(85.504.660.384)
Điều chỉnh:	
- Thu nhập không chịu thuế	(10.763.083.143)
- Chi phí không được khấu trừ	22.594.736.620
- Chênh lệch không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại	82.784.080.355
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<u>9.111.073.448</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**31 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH (TIẾP THEO)**

**2016  
VNĐ**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành  
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại

9.634.213.732  
(523.140.284)

9.111.073.448

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

**32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch chủ yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	<b>2016 VNĐ</b>	<b>2015 VNĐ</b>
<b>i) <i>Doanh thu bán hàng và dịch vụ</i></b>		
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	<u>8.772.983.169</u>	<u>1.000.566.248</u>
<b>ii) <i>Mua hàng hóa và dịch vụ</i></b>		
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	<u>11.000.000.000</u>	<u>5.500.000.000</u>
<b>iii) <i>Thu lãi vay</i></b>		
Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	<u>1.996.521.000</u>	<u>1.013.522.000</u>
<b>iv) <i>Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i></b>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	<u>5.893.309.756</u>	<u>4.118.627.454</u>
<b>(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan</b>		
	<b>31/12/2016 VNĐ</b>	<b>01/01/2016 VNĐ</b>
<b>i) <i>Phải thu ngắn hạn (Thuyết minh 5(a))</i></b>		
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	66.861.048.064	39.090.902.744
Công ty TNHH MTV Bình Long	1.161.809.800	-
Công ty CP Licogi 14	66.805.366	-
Công ty CP Licogi 19	164.166.000	-
	<u>68.253.829.230</u>	<u>39.090.902.744</u>
<b>ii) <i>Phải thu dài hạn (Thuyết minh 5(b))</i></b>		
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	-	1.865.066.138

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

## 32 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

## (b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	31/12/2016 VNĐ	01/01/2016 VNĐ
<b>iii) Các khoản trả trước cho người bán (Thuyết minh 6)</b> Công ty CP Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
<b>iv) Phải thu từ cho vay ngắn hạn (Thuyết minh 7)</b> Công ty CP Thủy điện Bắc Hà Công ty CP Đầu tư xây lắp và VLXD Đông Anh 8	4.000.000.000 20.663.740.010	6.000.000.000 22.522.727.010
	<u>24.663.740.010</u>	<u>28.522.727.010</u>
<b>v) Phải thu ngắn hạn khác (tạm ứng)</b> Công ty CP Thủy điện Bắc Hà Công ty CP Licogi 19	1.144.694.663 713.413.162	1.504.694.663 713.413.162
	<u>1.858.107.825</u>	<u>2.218.107.825</u>
<b>vi) Các khoản phải trả nhà cung cấp ngắn hạn (Thuyết minh 14(a))</b> Công ty CP Licogi 14 Công ty CP Licogi 19	994.909.627 1.023.472.428	740.985.434 1.023.472.428
	<u>2.018.382.055</u>	<u>1.764.457.862</u>
<b>vii) Các khoản người mua trả tiền trước (Thuyết minh 15)</b> Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	2.860.193.368	-
<b>viii) Các khoản phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 18)</b> Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>ix) Phải thu ngắn hạn khác – Cổ phần hóa</b> Công ty CP Licogi 19	3.624.299.293	3.624.299.293

**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

Mẫu số B 09 – DN/HN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT BÁN NIÊN  
CHO KỲ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016****33 BÁO CÁO BỘ PHẬN****(a) Bộ phận theo khu vực địa lý**

Tổng Công ty chỉ tiến hành hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Tổng Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

**(b) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, Tổng Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các công ty con hoạt động tương đối riêng biệt. Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Hoạt động sản xuất và kinh doanh VLXD: Công ty CP Đầu tư xây lắp và vật liệu xây dựng Đông Anh, Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng: Công ty CP Tư vấn Licogi;
- Hoạt động xây dựng và xây lắp: Tổng Công ty – Công ty mẹ và các công ty con còn lại.

Bảng cân đối kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày như sau:

	Tại ngày 31/12/2016				Tổng cộng VND
	Xây dựng và xây lắp VND	Sản xuất và kinh doanh VLXD VND	Cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng VND	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VND	
<b>Tài sản ngắn hạn</b>					
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.912.781.562	73.388.124.615	1.215.433.821	-	202.516.339.998
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.324.249.077.645	331.066.543.532	13.321.412.005	(549.309.425.935)	1.119.327.607.247
Hàng tồn kho	528.012.076.456	305.453.919.632	9.351.595.104	(4.897.798.150)	837.919.793.042
Tài sản ngắn hạn khác	31.033.019.791	2.097.114.841	-	-	33.130.134.632
	<u>2.011.206.955.454</u>	<u>712.005.702.620</u>	<u>23.888.440.930</u>	<u>(554.207.224.085)</u>	<u>2.192.893.874.919</u>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT BÁN NIÊN  
CHO KỲ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**33 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

**(b) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Bảng cân đối kết quả kinh doanh theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày như sau (Tiếp theo):

	<b>Tại ngày 31/12/2016</b>				
	<b>Xây dựng và xây lắp VNĐ</b>	<b>Sản xuất và kinh doanh VLXD VNĐ</b>	<b>Cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng VNĐ</b>	<b>Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VNĐ</b>	<b>Tổng cộng VNĐ</b>
<b>Tài sản dài hạn</b>					
Các khoản phải thu dài hạn	976.130.886	-	154.906.500	-	1.131.037.386
Tài sản cố định	343.529.563.832	140.997.699.349	683.026.232	-	485.210.289.413
Bất động sản đầu tư	2.663.302.754	-	-	-	2.663.302.754
Tài sản dở dang dài hạn	761.225.999.124	8.307.925.837	-	-	769.533.924.961
Đầu tư tài chính dài hạn	1.422.893.050.880	163.035.269.571	-	(966.457.771.582)	619.470.548.869
Tài sản dài hạn khác	29.919.988.684	15.954.510.078	283.344.630	-	46.157.843.392
	<b>2.561.208.036.160</b>	<b>328.295.404.835</b>	<b>1.121.277.362</b>	<b>(966.457.771.582)</b>	<b>1.924.166.946.775</b>
<b>Tổng tài sản</b>	<b>4.572.414.991.614</b>	<b>1.040.301.107.455</b>	<b>25.009.718.292</b>	<b>(1.520.664.995.667)</b>	<b>4.117.060.821.694</b>
<b>Nguồn vốn</b>					
Nợ ngắn hạn	3.158.256.246.129	650.937.265.926	19.681.362.955	(585.676.847.709)	3.243.198.027.301
Nợ dài hạn	328.477.307.479	13.987.188.176	-	(15.030.376.376)	327.434.119.279
Vốn chủ sở hữu	1.085.681.438.006	375.376.653.353	5.328.355.337	(919.957.771.582)	546.428.675.114
	<b>4.572.414.991.614</b>	<b>1.040.301.107.455</b>	<b>25.009.718.292</b>	<b>(1.520.664.995.667)</b>	<b>4.117.060.821.694</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI – CTCP**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT BÁN NIÊN  
CHO KỲ KẾ TOÁN KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2016**

**Mẫu số B 09 – DN/HN**

**33 BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP THEO)**

**(b) Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (Tiếp theo)**

Doanh thu, giá vốn bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh được trình bày như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 31/12/2016			
	Xây dựng và xây lắp VNĐ	Sản xuất và kinh doanh VLXD VNĐ	Cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng VNĐ	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh hợp nhất VNĐ
Doanh thu thuần	1.144.275.801.463	1.924.379.988.937	20.248.969.848	(189.233.298.726)
Giá vốn	(1.135.931.923.086)	(1.714.406.122.902)	(17.505.161.066)	189.233.298.726
Lợi nhuận gộp	8.343.878.377	209.973.866.035	2.743.808.782	-
Doanh thu tài chính				8.081.911.162
Chi phí tài chính				(154.385.318.941)
Chi phí bán hàng				(50.567.843.595)
Chi phí quản lý doanh nghiệp				(525.084.044.709)
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết				95.636.925.372
Chi phí khác				(22.266.484.405)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(9.634.213.732)
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				523.140.284
Lợi nhuận sau thuế				(436.634.375.370)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

**34 KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ**

Trong năm 2013, Công ty TNHH Xây dựng Lũng Lô (“Công ty Lũng Lô”) đã khởi kiện Tổng Công ty – Công ty mẹ liên quan đến khoản tiền 51 tỷ đồng mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty để thực hiện Dự án đề chấn sóng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT-LCC-Licogi. Theo bản án sơ thẩm số 06/2013/KDTM-ST ngày 06/08/2013 của Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, Tổng Công ty – Công ty mẹ phải hoàn trả Công ty Lũng Lô số tiền 19.036.257.000 đồng. Tuy nhiên, theo bản án phúc thẩm số 10/2014/KDTM-PT ngày 23/01/2014 của Tòa án Nhân dân TP Hà Nội, bản án sơ thẩm bị hủy, tòa án trả lại đơn kiện cho Công ty Lũng Lô và đình chỉ giải quyết vụ án. Theo quyết định giám đốc thẩm số 02/2016/KDTM-GDT ngày 22/01/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án Nhân dân cấp cao tại Hà Nội, bản án phúc thẩm bị hủy bỏ và hồ sơ vụ kiện được chuyển về Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân để giải quyết tiếp.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc thì Tổng Công ty – Công ty mẹ đã thực hiện đầy đủ mọi trách nhiệm quy định trong hợp đồng ký kết với Công ty Lũng Lô và sẽ không phải trả lại số tiền trên do Tổng Công ty – Công ty mẹ đã phát sinh thêm những chi phí khi thực hiện hợp đồng mà các chi phí này sẽ phải do Công ty Lũng Lô chịu.

Tại ngày 31 tháng 12/2016, Tổng Công ty – Công ty mẹ đã ghi nhận một khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô (trong khoản mục “Người mua trả tiền trước ngắn hạn”) là 30.707.123.540 đồng liên quan tới hợp đồng 08.1/HĐKT-LCC-Licogi (Thuyết minh số 15). Tổng Công ty – Công ty mẹ sẽ xử lý khoản phải trả này khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 27 tháng 4 năm 2017.



Lê Thị Thanh Nội  
Người lập



Phan Lan Anh  
Kế toán trưởng




Hoàng Quốc Quân  
Tổng Giám đốc